

Số: 69/2019/QĐST-HNGĐ

Đồ Sơn, ngày 19 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 105/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Ngô Thị Mai H, nơi ĐKTT: Tổ 3, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Xóm 6, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam;

- Anh Phạm Văn Đ, nơi cư trú: Tổ 3, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự cho thấy: Chị Ngô Thị Mai H và anh Phạm Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 22-01-2008. Chị H và anh Đ chỉ chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng hai năm sau khi kết hôn. Sau đó, do hai vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Cả chị H và anh Đ đã cố gắng tự hòa giải để chung sống, cùng nhau nuôi con nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng khiến quan hệ hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài. Cũng do cuộc sống gia đình quá căng thẳng nên từ năm 2010 đến nay, chị H và anh Đ đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân đã nhiều năm nay không còn tồn tại, cả hai bên đều mong muốn chấm dứt quan hệ hôn nhân nên đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn theo quy

định của pháp luật. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; việc chị H và anh Đ thuận tình ly hôn được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn ngày 09-8-2019 là có căn cứ cần được Tòa án công nhận theo Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị H và anh Đ có 01 con chung là Phạm Đức T, sinh ngày 30-8-2008. Chị H và anh Đ thỏa thuận giao cháu T cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết hoặc đến khi có sự thay đổi về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy, anh Đ có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con; cháu T có nguyện vọng chung sống cùng anh Đ; việc thỏa thuận nuôi con của chị H và anh Đ là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và đảm bảo quyền lợi của cháu T nên cần được Tòa án công nhận theo Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Chị H và anh Đ thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí tòa án: Chị H và anh Đ thỏa thuận để anh Đ nộp 300.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, Tòa án cần công nhận sự thỏa thuận của chị H và anh Đ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn, không có đương sự nào ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Mai H và anh Phạm Văn Đ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị H và anh Đ thỏa thuận giao cháu Phạm Đức T, sinh ngày 30 tháng 8 năm 2008 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị H và anh Đ thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Đ nhận nộp lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm anh đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, theo Biên lai số: 0007041 ngày 09 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, anh Đ đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường N, quận Đ;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, HCTP.

THẨM PHÁN

Phạm Hữu Trường